

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ vào các điều 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82, 83 và 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 35/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 3 năm 2023 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Trần Thị Cẩm T, sinh năm 1994.

Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre.

- Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp A, xã P, huyện R, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Bến Tre vào ngày 03/5/2013 nên quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T1 là hợp pháp. Quá trình chung sống do bất đồng về quan điểm nên anh chị đã không chung sống trong thời gian dài và bỏ mặc nhau, không còn thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Cả hai xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng đoàn tụ và có yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét thấy, hai bên thật sự tự nguyện ly hôn và đã thỏa thuận việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con, về tài sản chung, nợ chung phù hợp với Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Tòa án công nhận.

[2] Về con chung: chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 có 02 con chung tên Nguyễn Chí T2, sinh ngày 13/4/2012 và Nguyễn Chí T3, sinh ngày 31/10/2014.

Hiện cháu T2 và cháu T3 đang sống với chị T, quá trình nuôi dưỡng, chị T

vẫn đảm bảo tốt lợi ích về mọi mặt và có đủ điều kiện để tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị T và anh T1 thỏa thuận, sau khi anh chị ly hôn, chị T sẽ tiếp tục nuôi con chung là cháu T2 và cháu T3. Sự thỏa thuận này phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con...”. Vì vậy, Tòa án công nhận giao cháu T2 và cháu T3 cho chị T tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

[3] Về cấp dưỡng cho con: theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và khoản 1 Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình “Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con”. Tòa án có giải thích việc cấp dưỡng cho con là quyền và lợi ích của trẻ. Tuy nhiên, chị T không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng cho con, đây là sự tự nguyện của chị T nên Tòa án ghi nhận.

[4] Về quyền thăm nom con: theo quy định tại khoản 3 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình “Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở”. Do đó, anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về thay đổi việc cấp dưỡng cho con và người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn: vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ, Tòa án có thể quyết định việc cấp dưỡng cho con. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 cùng khai anh chị không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[7] Về lệ phí Tòa án: chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí Tòa án. Do anh chị thỏa thuận mỗi người chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) nên Tòa án ghi nhận và trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 thuận tình ly hôn.

- Về con chung: chị Trần Thị Cẩm T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Nguyễn Chí T2, sinh ngày 13/4/2012 và Nguyễn Chí Tinh, sinh ngày 31/10/2014 cho đến khi đủ 18 tuổi.

Ghi nhận việc chị Trần Thị Cẩm T không yêu cầu anh Nguyễn Văn T1 cấp dưỡng cho con.

Anh Nguyễn Văn T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được quyền cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi việc cấp dưỡng cho con.

Trong trường hợp có yêu cầu của một hoặc cả hai bên hoặc của cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về T2 sản chung, nợ chung: chị Trần Thị Cẩm T và anh Nguyễn Văn T1 trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Toà án:

Anh Nguyễn Văn T1 phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí anh T1 đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003116 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Anh T1 đã nộp đủ lệ phí.

Chị Trần Thị Cẩm T phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị T đã nộp là 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) theo biên lai thu số 0003115 ngày 28 tháng 02 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm. Chị T đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Ủy ban nhân dân xã T, huyện G;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(ĐÃ KÝ)

Đỗ Thị Mộng Tuyền